

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-PT

Ngày: 22 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 368/2020/TLPT-HS, ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H và 05 bị cáo, do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2020/HS-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Ngọc H; sinh năm 1982 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; con ông Nguyễn Ngọc B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M1; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có 07 anh chị em.

Tiền án: 02 tiền án (Năm 2013 phạm tội đánh bạc, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 10 tháng tù giam theo bản án số 45 ngày 26/02/2014. Ngày 29/5/2014, chấp hành xong hình phạt tù và về địa phương sinh sống. Ngày 05/02/2015, tiếp tục tái phạm thực hiện hành vi đánh bạc bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 11 tháng tù giam theo bản án số 330 ngày 12/8/2015. Ngày 06/01/2016 chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống nhưng chưa nộp án phí HSST và án phí HSPT); tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bị khởi tố và được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Thị H1; sinh năm 1976 tại tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thị trấn E1, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; Con ông Lê Văn B2 (đã chết) và bà Lê Thị M2; bị cáo có chồng là Nguyễn Xuân C1 và có 02 con (con lớn 21 tuổi, con nhỏ 14 tuổi); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bị khởi tố và được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn B; sinh năm 1975 tại Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; Con ông Nguyễn Văn B3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M3 (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị V3 và có 02 con (lớn 23 tuổi, nhỏ 14 tuổi); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bị khởi tố và được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn L; sinh năm 1959 tại huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xã A, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; con ông Nguyễn Văn B4 và bà Hoàng Thị M4 (đã chết); bị cáo có vợ là Lưu Thị V4 và có 03 (con lớn 37 tuổi, con nhỏ 33 tuổi); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bị khởi tố và được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

5. Khúc Thế H3; sinh năm 1970 tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/10; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; con ông Khúc Thế B5 (đã chết) và bà Lý Thị M5; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị V5 (đã ly hôn) và vợ là Lò Thị Th; bị cáo có 01 con 13 tuổi; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bị khởi tố và được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.(có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Trọng T; sinh năm 1980 tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; con ông Nguyễn Trọng B6 và bà Hà Thị M6; bị cáo có vợ Lê Thị V6 và có 02 con (con lớn 20 tuổi, con nhỏ 16 tuổi); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bị khởi tố và được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra vụ án còn có 03 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 04/01/2020, Lê Thị H1 điều khiển xe mô tô biển số 47E1-120.59 đến nhà Nguyễn Văn B thuộc xã ES, huyện EK chơi và rủ nhau đến nhà Ninh Ngọc C tại Xã ES, huyện EK để đánh bạc. H1 gọi điện rủ Nguyễn Văn L và Nguyễn Trọng T cùng tham gia đánh bạc thì được L và T đồng ý; Sau khi rủ xong thì H1 điều khiển xe đi trước còn B đi sau thì gặp Đỗ Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số 59H1-922.39 đến nhà chơi nên B rủ T1 đi đánh bạc thì T1 đồng ý và điều khiển xe mô tô chở B đi đến nhà ông C. Khi đến nơi thấy không có ông C ở nhà mà chỉ có bà Hà Thị Đ (sinh năm 1970, là vợ của ông C) đang phơi bắp ở trước sân, do quen biết từ trước nên cả 04 người gồm: H1, B, L, T1 đi vào trong nhà ông C, các bị cáo trải 01 chiếu cói để ngồi đánh bạc. T1 đi xuống bếp nhà ông C lấy 01 chén nhựa, 01 đĩa sứ rồi lấy kéo cắt 04 quân vị từ lá bài tú lơ khơ đặt lên chiếu. Sau khi chuẩn bị xong dụng cụ, Nguyễn Văn B, Đào Văn T1, Nguyễn Văn L bắt đầu đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, còn Lê Thị H1 cho vay tiền và cầm đồ; khi bắt đầu đánh bạc thì T1 là người cầm cái xóc cho B và L đặt cược vào hai cửa chẵn, lẻ. Khi tham gia đánh bạc B không mang theo tiền nên vay của H1 2.000.000 đồng để đánh bạc; T1 bỏ ra 4.000.000 đồng để đánh bạc; L mang theo 2.000.000 đồng, trả nợ cho H1 1.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng bỏ toàn bộ lên chiếu bạc để đánh bạc. Quá trình đánh bạc B thắng bạc nên đã trả số tiền 2.000.000 đồng vay của H1. T1 bị thua hết tiền nên đề nghị cầm cố chiếu xe biển số 59H1-922.39 cho H1 lấy số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc thì H1 đồng ý và giao tiền cho T1. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì có thêm Lưu Xuân Tr, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Xuân H4, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T đến nhà ông C và cùng tham gia đánh bạc với T1, B và L. Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Ngọc H mang theo 500.000 đồng và bỏ toàn bộ lên chiếu bạc để đánh bạc; Lưu Xuân Tr mang theo 5.000.000 đồng nhưng trước đó Tr đã trả nợ cho H4 số tiền 1.000.000 đồng, còn bỏ lên chiếu bạc 2.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 2.000.000 đồng Tr cất trong ví không sử dụng để đánh bạc; Nguyễn Xuân H4 bỏ số tiền 1.000.000 đồng lên chiếu bạc để đánh bạc; Khúc Thế H3 mang theo số tiền 8.200.000, H3 bỏ lên chiếu bạc 2.500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 5.700.000 đồng H3 cất trong ví không sử dụng để đánh bạc; Nguyễn Trọng

T bỏ số tiền 500.000 đồng lên chiếu bạc để đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi B, T1, L, H4, Hải, Tr, H3 và T đang đánh bạc ăn thua bằng tiền thì bị Cơ quan Công an huyện Ea Kar bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 16.500.000 đồng; Khi các đối tượng đang đánh bạc thì có anh Trần Ch và chị Chu Thị Th đến tìm T1 nhưng chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 24.200.000 đồng;

- 01 bộ dụng cụ xóc đĩa gồm: 01 đĩa bằng sứ, đường kính 17cm; 01 chén nhựa đường kính 11cm; 04 quân vị hình tròn, một mặt hình trái tim, một mặt hình văn hoa màu xanh; 01 chiếu cói kích thước 1,6m x 2m; 01 kéo bằng kim loại, cán bằng nhựa dài 13cm;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI biển số 59H1-922.39, màu sơn cam, đen;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model RM-1172, màu đen; 01 xe mô tô biển số 47E1- 120.59, nhãn hiệu Nouvo, màu sơn trắng đen thu giữ của Lê Thị H1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA-1034, màu đen thu giữ của Nguyễn Văn B;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy M10, màu xanh đen thu giữ của Nguyễn Văn L;

- 01 xe mô tô biển số 47F1-396.96, nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn đen, đỏ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Smsung, model Galaxy J6, màu xám; 01 xe mô tô biển số 47C1-128.33, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn xanh đen thu giữ của Nguyễn Trọng T;

- 01 xe mô tô biển số 77D1-144.08, nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ bạc thu của Nguyễn Ngọc H;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số:35/2020/HS-ST, ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L, Khúc Thế H3, Nguyễn Trọng T phạm tội: “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 03 (Ba) năm tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 11 (Mười một) tháng tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 (chín) tháng tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

+ Xử phạt bị cáo Khúc Thế H3 08 (tám) tháng tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 06 (sáu) tháng tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

+ Xử phạt Nguyễn Văn L 08(tám) tháng tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2020 các bị cáo Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T kháng cáo bản án với nội dung: Xin được hưởng án treo.

Ngày 03/8/2020 bị cáo Nguyễn Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/8/2020 bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nêu; vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” cho bị cáo Nguyễn Ngọc H là không đúng. Bởi lẽ, tình tiết “tái phạm nguy hiểm” đã là tình tiết định khung đối với bị cáo. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo Hải là không có căn cứ chấp nhận mà cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Hải; nhưng sửa bản án sơ thẩm để không áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” cho bị cáo.

Xét việc xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T và việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn L. Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra. Xét về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, việc kháng cáo của bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H - Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS - ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS - ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T.

- Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt đối với các bị cáo:

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 11 (Mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 (hai mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Khúc Thế H3 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn L, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 04/01/2020, các bị cáo gồm: H1, B, L, T1 đi vào trong nhà ông C và trái 01 chiếc cối để ngồi đánh bạc. T1 đi xuống bếp nhà ông C lấy 01 chén nhựa, 01 đĩa sứ rồi lấy kéo cắt 04 quân vị từ lá bài tứ lơ kho đặt lên chiếu. Sau khi chuẩn bị xong dụng cụ, Nguyễn Văn B, Đào Văn T1, Nguyễn Văn L bắt đầu đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, còn Lê Thị H1 cho vay tiền và cầm đồ; khi bắt đầu đánh bạc thì T1 là người cầm cái xóc cho B và L đặt cược vào hai cửa chẵn, lẻ. Khi tham gia đánh bạc B không mang theo tiền nên vay của H1 2.000.000 đồng để đánh bạc; T1 bỏ ra 4.000.000 đồng để đánh bạc; L mang theo 2.000.000 đồng, trả nợ cho H1 1.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng bỏ toàn bộ lên chiếu bạc để đánh bạc. Quá trình đánh bạc B thắng bạc nên đã trả số tiền 2.000.000 đồng vay của H1. T1 bị thua hết tiền nên đề nghị cầm cố chiếc xe biển số 59H1-922.39 cho H1 lấy số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc thì H1 đồng ý và giao tiền cho T1. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì có thêm Lưu Xuân Tr, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Xuân H4, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T đến nhà ông Chinh và cùng tham gia đánh bạc với T1, B và L. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi B, T1, L, H4, Hải, Tr, H3 và T đang đánh bạc ăn thua bằng tiền thì bị Cơ quan Công an huyện EaKar bắt quả tang, thu giữ trên chiếu

bạc số tiền 16.500.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn L, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc H thấy rằng: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm lại áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cho bị cáo là không đúng. Bởi lẽ tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” của bị cáo đã là tình tiết định khung theo điểm d khoản 2 Điều 321 BLHS cho bị cáo. Do đó, án phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho đúng và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Mặc dù, bản án sơ thẩm có sai sót về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt 03 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hải là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn L; kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T thấy rằng: Mức hình phạt 11 tháng tù đối với bị cáo H1, 09 tháng tù đối với bị cáo B, 08 tháng tù đối với bị cáo L và H3, 06 tháng tù đối với bị cáo T là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo gây ra. Do đó, việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, Lê Thị H1, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, các bị cáo L, H1, B, H3 và T đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3, Nguyễn Trọng T và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L để miễn chấp hành hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS - ST ngày 24/7/2020 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H.

[1.2] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS - ST ngày 24/7/2020 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T.

[2] Điều luật áp dụng và hình phạt.

[2.1] Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2020 đến ngày 13/01/2020.

[2.2] Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 11 (Mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 (hai mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.3] Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.4] Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Khúc Thế H3 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.5] Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.6] Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị H1 cho UBND thị trấn E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Khúc Thế H3, Nguyễn Văn B và Nguyễn Trọng T cho UBND xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo: Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thị H1, Nguyễn Văn B, Khúc Thế H3 và Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện EK;
- Bị cáo;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Anh Tuấn